

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6683 /UBND-TH

Bình Định, ngày 14 tháng 09 năm 2023

V/v số kiểm tra thu, chi
ngân sách năm 2024 và dự
kiến số thu, chi ngân sách
năm 2025, 2026

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Công văn số 7755/BTC-NSNN ngày 25/7/2023 của Bộ Tài chính về số kiểm tra thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 và dự kiến số thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 – 2026; trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 2928/STC-QLNS ngày 13/9/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo nội dung cụ thể như sau:

1. Giao số kiểm tra thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 và dự kiến thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025, 2026 cho các huyện, thị xã, thành phố như Phụ lục kèm theo Công văn này.

2. Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nội dung giao số kiểm tra thu, chi ngân sách nhà nước nêu trên đảm bảo theo đúng quy định pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 7755/BTC-NSNN ngày 25/7/2023.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPTH;
- Lưu: VT, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC I**SỐ KIỂM TRA THU NGÂN SÁCH NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN THU NĂM 2025, 2026 CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày /9/2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Huyện, thị xã, thành phố	Dự toán thu NSNN trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố (không bao gồm tiền sử dụng đất) năm 2023	Số kiểm tra giao thu NSNN trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố (không bao gồm tiền sử dụng đất) năm 2024 tăng 5,37% so với dự toán năm 2023	Dự kiến số giao thu NSNN trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố (không bao gồm tiền sử dụng đất) năm 2025 tăng 20,35% so với dự toán năm 2023	Dự kiến số giao thu NSNN trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố (không bao gồm tiền sử dụng đất) năm 2026 tăng 27,33% so với dự toán năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4=3*1,0537	5=3*1,2235	6=3*1,2733	
	TỔNG SỐ	4.348.120	4.581.613	5.232.963	5.536.458	
1	Thành phố Quy Nhơn	2.720.915	2.867.028	3.274.621	3.464.541	
2	Thị xã An Nhơn	389.050	409.942	468.222	495.377	
3	Huyện Tuy Phước	215.340	226.904	259.162	274.192	
4	Huyện Tây Sơn	110.620	116.560	133.131	140.852	
5	Huyện Phù Cát	207.210	218.337	249.377	263.840	
6	Huyện Phù Mỹ	208.750	219.960	251.231	265.801	
7	Huyện Hoài Ân	49.620	52.285	59.718	63.181	
8	Thị xã Hoài Nhơn	269.990	284.488	324.933	343.778	
9	Huyện Vân Canh	77.100	81.240	92.790	98.171	
10	Huyện Vĩnh Thạnh	67.700	71.335	81.477	86.202	
11	Huyện An Lão	31.825	33.534	38.301	40.523	

PHỤ LỤC II

SỐ KIỂM TRA CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024 VÀ DỰ KIẾN CHI NĂM 2025, 2026 CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày /9/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Huyện, thị xã, thành phố	Dự kiến tổng thu NSNN trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố hưởng (không bao gồm tiền sử dụng đất) năm 2024	Dự kiến tổng thu NSNN trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố hưởng (không bao gồm tiền sử dụng đất) năm 2025	Dự kiến tổng thu NSNN trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố hưởng (không bao gồm tiền sử dụng đất) năm 2026	Dự kiến số bổ sung cân đối năm 2024, 2025, 2026 bằng dự toán năm 2023	Số kiểm tra chi cân đối ngân sách huyện, thị xã, thành phố năm 2024 (1)	Dự kiến tổng chi cân đối ngân sách huyện, thị xã, thành phố năm 2025 (1)	Dự kiến tổng chi cân đối ngân sách huyện, thị xã, thành phố năm 2026 (1)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7=3+6	8=4+6	9=5+6	
	TỔNG SỐ	2.589.813	2.957.997	3.129.552	2.637.764	5.227.577	5.595.761	5.767.316	
1	Thành phố Quy Nhơn	878.368	1.003.242	1.061.428	10.749	889.117	1.013.991	1.072.177	
2	Thị xã An Nhơn	408.888	467.018	494.104	176.327	585.215	643.345	670.431	
3	Huyện Tuy Phước	226.272	258.440	273.428	263.182	489.454	521.622	536.610	
4	Huyện Tây Sơn	116.244	132.770	140.470	312.584	428.828	445.354	453.054	
5	Huyện Phù Cát	218.179	249.196	263.649	397.764	615.943	646.960	661.413	
6	Huyện Phù Mỹ	219.897	251.159	265.725	352.977	572.874	604.136	618.702	
7	Huyện Hoài Ân	52.253	59.682	63.143	282.560	334.813	342.242	345.703	
8	Thị xã Hoài Nhơn	283.677	324.006	342.798	348.419	632.096	672.425	691.217	
9	Huyện Vân Canh	81.219	92.766	98.146	124.999	206.218	217.765	223.145	
10	Huyện Vĩnh Thạnh	71.293	81.429	86.151	160.563	231.856	241.992	246.714	
11	Huyện An Lão	33.523	38.289	40.510	207.640	241.163	245.929	248.150	

Ghi chú:

(1) chưa bao gồm số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố;